

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2023/HNGĐ-PT
Ngày 14-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán:

Ông Lê Anh Sơn

Bà Bùi Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Huệ - Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 17/2023/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân huyện A, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 19/2023/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lương Văn T, địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đào Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Người kháng cáo: Chị Đào Thị T là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn T và chị Đào Thị T kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 83/2021 ngày 29 tháng 12 năm 2021. Sau khi kết hôn, anh T và chị T phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung. Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không hoà giải được nên anh và chị T đã sống ly thân. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Đào Thị T.

Về con chung: Anh Lương Văn T và chị Đào Thị T có một con chung là Lương Anh T, sinh ngày 16 tháng 4 năm 2015, hiện đang ở cùng chị T, do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, anh T đề nghị tự thỏa thuận với chị T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Lương Văn T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn là chị Đào Thị T không có quan điểm trình bày. Chị T vắng mặt không có lý do tại phiên tòa ngày 16/6/2023 ngày 23/6/2023 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

Với nội dung trên, Bản án sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn T được ly hôn chị Đào Thị T.
2. Về con chung: Anh Lương Văn T và chị Đào Thị T có một con chung là Lương Anh T, sinh ngày 16/4/2015. Giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có đủ khả năng lao động hoặc có thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Ngày 05/7/2023, chị Đào Thị T kháng cáo, không đồng ý ly hôn với anh T vì muốn anh T có trách nhiệm với gia đình, với chị và con chung, không muốn ly hôn vì sẽ ảnh hưởng tới tương lai của con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T trình bày: Chị chung sống với anh T từ cuối năm 2012 nhưng không đăng ký kết hôn vì thời gian đó anh T đang còn

quan hệ hôn nhân với vợ của anh T. Trong thời gian chung sống với anh T, chị và anh T có một con chung là Lương Anh T, sinh ngày 16/4/2015. Sau khi anh T ly hôn, chị và anh T vẫn chưa đăng ký kết hôn. Đến khi con chung đi học lớp 01, do cần giấy khai sinh cho con nên chị và anh T mới đăng ký kết hôn để làm giấy khai sinh cho con. Nếu con chung không cần giấy khai sinh thì chị cũng không muốn đăng ký kết hôn với anh T.

Chị T biết Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn của chị và anh T. Chị cho rằng anh T ly hôn vì có người phụ nữ khác nên chị không đến toà án để giải quyết, tuy nhiên chị cũng chưa có biện pháp hoà giải nào đối với anh T để vợ chồng đoàn tụ.

Nếu ly hôn, chị yêu cầu được nuôi con như quyết định của bản án sơ thẩm nhưng yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con là 6.000.000 đồng/tháng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị T. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị Đào Thị T phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của anh Lương Văn T nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Toà án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt anh T.

- Xét kháng cáo của chị Đào Thị T:

[2] Tại cấp sơ thẩm, chị Đào Thị T không có quan điểm trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của anh T. Xét đơn kháng cáo của chị T thấy chị T và anh T chung sống với nhau từ năm 2012. Đến năm 2016, chị T đi buôn bán, có quen biết các mối hàng nhưng vì phải nuôi con bé không đi xa được nên anh T thay chị vào Nam lập nghiệp, còn chị vẫn ở nhà chăm sóc con và gửi tiền cho anh T

để anh T chi tiêu. Trong thời gian này, anh T làm ăn sa sút, cờ bạc, phát sinh quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, không quan tâm tới gia đình. Anh T đã nộp đơn và được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết cho ly hôn với chị T, nhưng chị T không đồng ý ly hôn với anh T vì chị T muốn chồng chị có trách nhiệm với gia đình, với chị và con chung, không muốn ly hôn vì sẽ ảnh hưởng tới tương lai của con chung. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm, chị T thừa nhận nếu con chung của anh chị không vào học lớp 01 và cần giấy khai sinh cho con thì chị cũng không muốn kết hôn với anh T. Chị không xác định được việc anh T còn tình cảm vợ chồng và yêu thương chị hay không. Nếu ly hôn chị yêu cầu anh T phải cấp dưỡng cho con là 6.000.000 đồng/tháng. Như vậy, xét thấy việc chị T không đồng ý ly hôn với anh T không xuất phát từ việc còn tình cảm vợ chồng. Lý do chị không đồng ý ly hôn vì muốn anh T chịu trách nhiệm với gia đình, không muốn ảnh hưởng đến sự phát triển tâm lý của con chung là không có căn cứ. Hiện nay con chung của anh chị là cháu Lương Anh T có nguyện vọng muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Sau khi ly hôn, cả hai anh chị vẫn có quyền thăm nom, chăm sóc con chung một cách tốt nhất, đó là quyền và nghĩa vụ của cha, mẹ đã được quy định tại Luật Hôn nhân và gia đình. Bản thân anh T cũng khẳng định anh không còn tình cảm vợ chồng với chị T vì mục đích hôn nhân không đạt được. Bản thân chị T muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, chị T không đến toà án để trình bày nguyện vọng của mình, không tham gia các phiên hoà giải và vắng mặt tại các phiên toà, không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn vợ chồng nên lý do kháng cáo của chị T không có căn cứ. Nhận thấy anh chị hiện đã ly thân từ năm 2022, cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại, mâu thuẫn nhiều lần kéo dài nên Tòa án cấp sơ thẩm quyết định cho anh T được ly hôn với chị T là phù hợp với thực tế hôn nhân của hai anh chị và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị T không kháng cáo về việc nuôi con chung và đồng ý với quyết định giao con chung của toà án cấp sơ thẩm và phù hợp với nguyện vọng của con. Tuy nhiên, tại cấp phúc thẩm chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 6.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, nội dung này Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết do chị T không có lời khai và anh T yêu cầu tự thoả thuận với chị T. Do vậy, cấp phúc thẩm không giải quyết nội dung này, chị T có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn đối với anh T bằng vụ án khác.

[4] Từ các nhận định trên thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị T, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

[5] Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí phúc thẩm: Chị Đào Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 148, khoản 2 Điều 296, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Đào Thị T.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 65/2023/HNGĐ-ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lương Văn T được ly hôn chị Đào Thị T.

Về con chung: Anh Lương Văn T và chị Đào Thị T có một con chung là Lương Anh T, sinh ngày 16/4/2015. Giao con Lương Anh T cho chị Đào Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc tạm thời chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh Lương Văn T và chị Đào Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Lương Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Lương Văn T đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004524 ngày 01 tháng 5

năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Anh Lương Văn T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm:

Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005156 ngày 06 tháng 7 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Đào Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về quyền thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện A, Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện A, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Hồ Điệp